



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tổng công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Sông Đà 3 thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 2372/QĐ – BXD ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189364 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ 11 ngày 23 tháng 11 năm 2020.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.
- Điện thoại : (0269) 3715390
- Fax : (0269) 3715389

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 3.06	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.02	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.07	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại Hà Nội	Số 18/165 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Ban Điều hành thủy điện Pleikrong	Sa Bình, Huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ cơ giới và công nghệ xây dựng đầu tư, xây dựng và khai thác các nhà máy phong điện vừa và nhỏ;
- Xây xát đá, nghiền đá và cắt tạo đá xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công nghiệp, thủy lợi, buro điện, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư tài chính;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình đường bộ.

4498
H
IG T
OÁN
NH
VG -

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban quản lý, điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019
Ông Kim Thành Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019
Ông Vũ Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Bình Đông	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Văn Tăng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Thụ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Việt Lương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018
Ông Phạm Duy Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018
Ông Trần Trọng Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Toán	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2019
Ông Đặng Bá Điền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2016
Ông Phí Đình Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2013

Đại diện pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Toán	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Xuân Toán

Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021



Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot SH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0128/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tổng công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo thuyết minh số VII.4, Công ty Cổ phần Sông Đà 3 và Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 có thống nhất cắt giảm phần doanh thu không đủ điều kiện thanh toán với giá trị 40.988.588.326 VND và bù trừ vào giá trị đã nghiệm thu chưa xuất hóa đơn của hạng mục Nhà máy của Công trình thủy điện Đồng Nai 5. Do ảnh hưởng của sự kiện trên, giá vốn của hạng mục Nhà máy của Công trình thủy điện Đồng Nai 5 được ghi nhận thiếu trong năm nay với giá trị theo ước tính của chúng tôi là 31.500.000.000 VND. Nếu giá vốn của công trình này được điều chỉnh, thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, các khoản mục “Hàng tồn kho” (mã số 141) và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ giảm 31.500.000.000 VND, đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục “Giá vốn hàng bán” (mã số 11) sẽ tăng và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) sẽ giảm với cùng số tiền 31.500.000.000 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty Cổ phần Sông Đà 3 có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 193.914.530.819 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ (hoạt động xây lắp) tiếp tục bị đình trệ do thiếu vốn hoạt động. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0192-2018-008-1



Trần Thị Cẩm Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 3215-2020-008-1

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		629.119.259.209	676.773.801.617
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.441.920.453	4.427.932.371
1. Tiền	111		8.441.920.453	4.427.932.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		364.892.131.174	392.008.078.556
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	312.104.468.717	336.762.281.607
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	14.462.117.717	17.750.276.644
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	55.077.815.259	54.247.790.824
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(16.752.270.519)	(16.752.270.519)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		252.959.890.499	275.280.361.989
1. Hàng tồn kho	141	V.6	252.959.890.499	275.280.361.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.825.317.083	5.057.428.701
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	457.800.963	331.945.163
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.727.572.806	4.085.540.224
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		639.943.314	639.943.314
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		694.481.190.252	703.970.247.831
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		780.000.000	780.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	780.000.000	780.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		597.185.730.046	627.859.618.773
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	597.003.592.535	627.596.531.266
- Nguyên giá	222		899.719.243.534	898.489.134.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(302.715.650.999)	(270.892.602.880)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	182.137.511	263.087.507
- Nguyên giá	228		404.750.000	404.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(222.612.489)	(141.662.493)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		71.766.317.954	46.906.718.916
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	71.766.317.954	46.906.718.916
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.900.000.000	4.900.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11a	4.900.000.000	4.900.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11b	1.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.849.142.252	23.523.910.142
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	18.348.548.328	22.998.728.787
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	500.593.924	525.181.355
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.323.600.449.461	1.380.744.049.448



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.208.503.916.536	1.264.624.049.355
I. Nợ ngắn hạn	310		883.503.197.733	894.623.330.552
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	204.649.322.480	200.024.749.916
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	626.122.160	4.885.522.382
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.105.219.119	6.212.160.889
4. Phải trả người lao động	314	V.16	6.126.203.527	3.987.840.663
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	116.087.361.267	115.515.411.022
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,b	25.466.821.262	39.254.595.768
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	523.158.019.636	523.208.019.636
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.284.128.282	1.535.030.276
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		325.000.718.803	370.000.718.803
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	325.000.718.803	370.000.718.803
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.096.532.925	116.120.000.093
I. Vốn chủ sở hữu	410		115.096.532.925	116.120.000.093
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	159.993.560.000	159.993.560.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	100.029.499.600	100.029.499.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	26.541.379.302	23.233.250.510
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(174.358.453.273)	(170.039.877.266)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(174.419.623.282)	(170.039.877.266)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		61.170.009	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	2.890.547.296	2.903.567.249
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.323.600.449.461	1.380.744.049.448

Kon Tum, ngày 31 tháng 3 năm 2021



Phạm Hồng Trung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hinh
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Toán
Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	182.886.082.301	172.113.682.419
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		182.886.082.301	172.113.682.419
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	111.768.487.908	93.155.390.068
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.117.594.393	78.958.292.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.750.652	755.233.421
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	46.247.909.867	71.733.044.058
Trong đó: chi phí lãi vay	23		46.216.393.147	71.733.044.058
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	22.637.002.462	22.451.633.812
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.246.432.716	(14.471.152.098)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	36.015.997	1.721.428.858
13. Chi phí khác	32	VI.7	631.411.301	2.479.861.907
14. Lợi nhuận khác	40		(595.395.304)	(758.433.049)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.651.037.412	(15.229.585.147)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.357.713.949	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	24.587.431	24.587.431
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>268.736.032</u>	<u>(15.254.172.578)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>26.765.905</u>	<u>(15.461.019.774)</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>241.970.127</u>	<u>206.847.196</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(64)</u>	<u>(1.032)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>(64)</u>	<u>(1.032)</u>

Kon Tum, ngày 31 tháng 3 năm 2021


Phạm Hồng Trung
 Người lập biểu


Nguyễn Văn Hình
 Kế toán trưởng


Phạm Xuân Toán
 Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.651.037.412	(15.229.585.147)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	32.264.427.995	34.231.715.352
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	(156.026.051)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	31.516.720	(336.932.480)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 6	(49.750.652)	(2.139.723.199)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	46.216.393.147	71.733.044.058
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		80.113.624.622	88.102.492.533
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.473.914.800	14.996.327.681
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.320.471.490	(9.706.973.881)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(45.388.524.994)	(6.982.254.414)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.524.324.659	(3.145.582.390)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(41.117.443.147)	(42.985.557.600)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(1.691.810.000)	(1.998.468.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.234.557.430	38.279.983.747
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(820.320.000)	(3.916.641.356)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	36.000.000	2.181.020.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.11b	(1.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	13.750.652	365.584.023
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.770.569.348)	(320.036.424)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a	6.000.000.000	5.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a	(48.450.000.000)	(41.999.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	V.1	(42.450.000.000)	(36.999.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.013.988.082	960.947.323
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.427.932.371	3.466.946.178
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	38.870
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.441.920.453	4.427.932.371

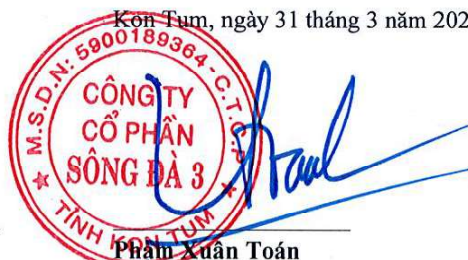
Kon Tum, ngày 31 tháng 3 năm 2021



Phạm Hồng Trung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Toán
Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là: Xây dựng các công trình thủy điện, hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh điện thương phẩm ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng công ty

Tổng công ty bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này, chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 - Đak Lô	Thôn Măng Đen – Xã Đăk Long – huyện Kon Plông – tỉnh Kon Tum	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	98,97%	98,97%	98,97%	98,97%
Công ty TNHH Thủy điện Ngọc Tem ⁽ⁱ⁾	Thôn Măng Đen – Xã Đăk Long – huyện Kon Plông – tỉnh Kon Tum	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	98,97%	0%	98,97%	0%

⁽ⁱ⁾ Khoản đầu tư thông qua Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 - Đak Lô, do Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 - Đak Lô sở hữu 100% vốn điều lệ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4498
CHI NI
NG T
TOÁN
NHA
NG-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ: khoản phải thu Ban điều hành thủy điện Pleikrong nhận bàn giao từ Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí vận chuyển, lắp đặt trạm nghiền

Chi phí vận chuyển, lắp đặt trạm nghiền được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị

Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí nhiên liệu, chi phí mua bảo hiểm, chi phí sửa chữa nhỏ phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Trung xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh phát sinh cùng ghi nhận doanh thu được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp doanh thu đã được ghi nhận từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

4981
HI NH
IG TY
OÁN v
&
NHA TI
NG - T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tô 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.996.968.370	1.674.004.857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.444.952.083	2.753.927.514
Cộng	<u>8.441.920.453</u>	<u>4.427.932.371</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>195.781.346.945</i>	<i>232.257.516.652</i>
Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	7.862.086.864	7.001.181.892
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 ⁽ⁱ⁾	132.922.398.568	169.772.034.047
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1	46.903.232.812	47.103.232.821
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	2.986.947.598	2.986.947.598
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	108.563.499	396.002.690
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.314.302.285	1.314.302.285
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)	807.428.165	807.428.165
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.599.044.445	1.599.044.445
Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	279.058.654	279.058.654
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ Phần Sông Đà 9	152.310.091	152.310.091
Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty CP Sông Đà 9	496.196.964	496.196.964
Chi nhánh Sông Đà 9.08 - Công ty CP Sông Đà 9	349.777.000	349.777.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>116.323.121.772</i>	<i>104.504.764.955</i>
Các khách hàng khác	116.323.121.772	104.504.764.955
Cộng	<u>312.104.468.717</u>	<u>336.762.281.607</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị tạm tính (và được chấp nhận) của Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5. Giá trị doanh thu còn lại được ghi nhận theo giá trị quyết toán cuối cùng (dự kiến được nghiệm thu trong năm 2021).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xi măng phụ gia Phước Hòa	3.903.317.507	3.903.317.507
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Dững	3.300.000.000	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đăng Sơn	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	10.558.800.210	10.546.959.137
Cộng	14.462.117.717	17.750.276.644

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.399.645.946</i>	-	<i>2.980.845.946</i>	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	2.399.645.946	-	2.399.645.946	-
Ông Lưu Văn Vinh - Tạm ứng	-	-	581.200.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>52.678.169.313</i>	<i>(4.281.144.075)</i>	<i>51.266.944.878</i>	<i>(4.281.144.075)</i>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà An Nhân	-	-	3.000.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	128.875.000	-	128.875.000	-
Tạm ứng	21.549.759.185	(348.435.452)	11.705.161.635	(348.435.452)
Chi nhánh Sông Đà 505	1.104.358.182	-	1.104.358.182	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	159.423.172	-	156.723.556	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.685.753.774	(3.932.708.623)	25.121.826.505	(3.932.708.623)
Cộng	55.077.815.259	(4.281.144.075)	54.247.790.824	(4.281.144.075)

4b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		<i>1.599.044.445</i>	-		<i>1.599.044.445</i>	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 - Phải thu tiền bán hàng	trên 3 năm	1.599.044.445	-	trên 3 năm	1.599.044.445	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>15.153.226.074</i>	-		<i>15.153.226.074</i>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng	trên 3 năm	3.305.078.081	-	trên 3 năm	3.305.078.081	-
Các khoản phải thu khác	trên 3 năm	3.932.708.623	-	trên 3 năm	3.932.708.623	-
Tạm ứng	trên 3 năm	348.435.452	-	trên 3 năm	348.435.452	-
Trả trước người bán	trên 3 năm	7.567.003.918	-	trên 3 năm	7.567.003.918	-
Cộng		16.752.270.519	-		16.752.270.519	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.752.270.519	16.908.296.570
Hoàn nhập dự phòng	-	(156.026.051)
Số cuối năm	16.752.270.519	16.752.270.519

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	67.720.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	5.381.875.181	-	6.759.817.373	-
Công cụ, dụng cụ	994.628.688	-	745.853.604	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	246.583.386.630	-	267.706.971.012	-
Cộng	252.959.890.499	-	275.280.361.989	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	143.128.359	215.881.827
Chi phí bảo hiểm	269.714.854	-
Chi phí sửa nhà văn phòng	14.000.000	72.097.880
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.957.750	43.965.456
Cộng	457.800.963	331.945.163

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	3.274.986.808	4.455.997.983
Chi phí vận chuyển, lắp đặt, sửa chữa trạm nghiên cứu và sửa chữa tài sản cố định khác	14.325.946.520	17.126.068.943
Chi phí thuê đất dài hạn	747.615.000	759.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	657.661.861
Cộng	18.348.548.328	22.998.728.787

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	448.947.964.749	406.572.056.840	40.906.680.467	1.588.330.272	590.272.727	898.489.134.146
Mua trong năm	-	719.837.455	616.381.813	254.320.000	-	1.590.539.268
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(360.429.880)	-	-	(360.429.880)
Số cuối năm	448.947.964.749	407.175.723.386	41.162.632.400	1.842.650.272	590.272.727	899.719.243.534
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	33.807.899.297	17.851.749.016	837.613.909	60.909.091	52.558.171.313
Chờ thanh lý	-	77.230.488.155	15.141.201.571	164.818.182	489.363.636	93.025.871.544
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	68.659.398.983	161.650.763.812	38.708.445.633	1.321.410.613	552.583.839	270.892.602.880
Khấu hao trong năm	16.883.129.254	14.385.615.683	799.619.550	107.113.508	8.000.004	32.183.477.999
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(360.429.880)	-	-	(360.429.880)
Số cuối năm	85.542.528.237	176.036.379.495	39.147.635.303	1.428.524.121	560.583.843	302.715.650.999
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	380.288.565.766	244.805.122.119	2.198.234.834	266.919.659	37.688.888	627.596.531.266
Số cuối năm	363.405.436.512	231.139.343.891	2.014.997.097	414.126.151	29.688.884	597.003.592.535
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	404.750.000	141.662.493	263.087.507
Khấu hao trong năm		80.949.996	
Số cuối năm	404.750.000	222.612.489	182.137.511

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	1.590.539.268	(1.590.539.268)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	46.906.718.916	24.859.599.038	-	71.766.317.954
- Dự án nhà máy thủy điện Đak Lô	45.215.744.097	24.651.326.311	-	71.698.110.826
+ Chi phí quản lý dự án chờ phê duyệt	20.375.989.273	392.908.006	-	20.768.897.279
+ Chi phí thi công xây dựng	22.181.422.720	15.705.292.285	-	37.886.715.005
+ Chi phí máy móc thiết bị	-	5.616.413.773	-	5.616.413.773
+ Chi phí tư vấn	1.600.696.650	2.819.766.747	-	4.420.463.397
+ Chi Chi phí khác	1.057.635.454	116.945.500	-	1.174.580.954
- Dự án nhà máy thủy điện Ngọc Tem	1.622.767.691	208.272.727	-	1.831.040.418
- Dự án khác	68.207.128	-	-	68.207.128
Cộng	46.906.718.916	26.450.138.306	(1.590.539.268)	71.766.317.954

11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

11a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.450.000.000	-	3.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	950.000.000	-	950.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Sor 3	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản đầu tư 1000 trái phiếu ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, mệnh giá 1.000.000VND/ trái phiếu, thời hạn 7 năm, lãi suất thả nổi theo quy định.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi nội bộ chưa thực hiện trong Tổng công ty. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	525.181.355	549.768.786
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(24.587.431)	(24.587.431)
Số cuối năm	500.593.924	525.181.355



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Tổng công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế tại Công ty Cổ phần Sông Đà 3 với số tiền là 141.652.794.160 VND, chi tiết như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Năm 2017	44.890.199.406
Năm 2018	40.428.248.839
Năm 2019	33.324.191.385
Năm 2020	23.010.154.530
Cộng	<u>141.652.794.160</u>

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	18.616.583.133	23.036.498.133
Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà	454.085.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	1.379.933.763	3.779.933.763
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08	3.287.016.957	3.761.016.957
Chi nhánh Sông Đà 6.02 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.898.197	32.898.197
Chi nhánh Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	13.460.424.055	15.460.424.055
Xi nghiệp Sông Đà 10.5 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.225.161	2.225.161
Phải trả các nhà cung cấp khác	186.032.739.347	176.988.251.783
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	16.541.232.727	16.752.539.500
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Đà Nẵng	18.074.055.215	16.541.232.727
Công ty Cổ phần xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum	12.057.342.179	18.752.033.942
Công ty Cổ phần Hương Trầm	16.752.539.500	12.057.342.179
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Tùng Châu	-	8.228.701.600
Các khoản phải trả người bán khác	122.607.569.726	104.656.401.835
Cộng	<u>204.649.322.480</u>	<u>200.024.749.916</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ quá hạn của các bên liên quan	18.782.564.370	19.256.564.370
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08	3.287.016.957	3.761.016.957
Chi nhánh Sông Đà 6.02 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.898.197	32.898.197
Chi nhánh Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	15.460.424.055	15.460.424.055
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	-
Xí nghiệp Sông Đà 10.5 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.225.161	2.225.161
Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác	138.826.734.275	165.336.300.327
Các nhà cung cấp khác	138.826.734.275	165.336.300.327
Cộng	157.609.298.645	184.592.864.697

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	85.000.000	85.000.000
Xí nghiệp Sông Đà 2.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2	85.000.000	85.000.000
Trả trước cho người bán khác	541.122.160	4.800.522.382
Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Tân	377.861.000	377.861.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Dương	-	3.191.526.000
Các khách hàng khác	163.261.160	1.231.135.382
Cộng	626.122.160	4.885.522.382

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.056.349.030	626.089.623	10.552.402.417	(12.357.496.120)	1.251.255.327	626.089.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.900	-	1.357.713.949	-	1.357.813.849	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.820.388.730	-	131.851.737	(263.325.327)	1.688.915.140	-
Thuế tài nguyên	1.084.905.890	-	9.269.283.463	(8.710.654.730)	1.643.534.623	-
Tiền thuê đất	-	-	706.275	(706.275)	-	-
Tiền sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	2.582.619	(2.582.619)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	13.000.000	(13.000.000)	-	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	86.717.159	-	1.038.446.000	(1.125.163.159)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	163.700.180	13.853.691	-	-	163.700.180	13.853.691
Cộng	6.212.160.889	639.943.314	22.365.986.460	(22.472.928.230)	6.105.219.119	639.943.314

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tờ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tổng công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đak Lô: theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2020 là năm thứ 5 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đak Lô hưởng ưu đãi về thuế suất và là năm thứ nhất Công ty được giảm thuế.
- Tại Công ty TNHH Thủy điện Ngọc Tem: theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Công ty TNHH Thủy điện Ngọc Tem chưa sử dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm bình quân, thuế suất thuế tài nguyên là 5%.

Tiền thuê đất

Tổng công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng như sau:

- Diện tích đất 322,5 m² tại thôn Măng Đen, xã Đăk Long, Huyện Kon Plong, với mức 2.190 VND/m². Đối với diện tích đất 513.906,15 m² đang được miễn tiền thuê đất.
- Tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê với diện tích 2.085 m² tại lô số C58 Khu quy hoạch cụm công nghiệp Diên Phú, xã Diên Phú, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, thời gian thuê 50 năm.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kwh.

Các loại thuế khác

Tổng công ty kê khai và nộp theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	101.630.294.214	96.531.344.214
Chi phí trích trước phải trả nhà thầu phụ về chi phí xây dựng	11.724.620.750	17.045.620.505
Các khoản chi phí trích trước khác	2.732.446.303	1.938.446.303
Cộng	<u>116.087.361.267</u>	<u>115.515.411.022</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.080.000.000</i>	<i>4.080.000.000</i>
Tổng công ty Sông Đà - Cổ tức phải trả	4.080.000.000	4.080.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>21.386.821.262</i>	<i>35.174.595.768</i>
Kinh phí công đoàn	834.522.821	995.067.281
Bảo hiểm xã hội	168.330.748	1.993.359.926
Bảo hiểm y tế	26.832.856	31.343.390
Bảo hiểm thất nghiệp	11.325.496	13.930.382
Quỹ bảo vệ môi trường rừng	634.691.880	418.963.464
Cổ tức phải trả	4.666.517.324	4.422.314.124
Ông Bùi Văn Bính - Tiền mượn	-	2.000.000.000
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	3.041.096.745	5.720.897.623
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	3.021.868.513	5.392.423.947
Phải trả các đội về lương	2.650.467.206	8.824.953.618
Phải trả tiền chuyển nhượng vốn góp	1.445.000.000	1.445.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.886.167.673	3.916.342.013
Cộng	<u>25.466.821.262</u>	<u>39.254.595.768</u>

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	8.131.876.402	8.131.876.402
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	3.041.096.745	5.720.897.623
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	1.551.697.612	1.938.253.870
Phải trả các đội về lương	1.893.739.915	8.824.953.618
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.228.066.538	31.705.075
Cộng	<u>17.846.477.212</u>	<u>24.647.686.588</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	462.579.942.908	3.000.000.000	485.029.942.908	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱ⁾	459.579.942.908	-	485.029.942.908	-
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Kon Tum ⁽ⁱⁱ⁾	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh	-	-	2.600.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	60.578.076.728	45.000.000.000	35.578.076.728	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	15.578.076.728	-	15.578.076.728	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (xem thuyết minh số V.19b)	45.000.000.000	45.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	523.158.019.636	48.000.000.000	523.208.019.636	20.000.000.000

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/369556/HĐTDHM năm 2017 thay thế hợp đồng số 05/MHĐCTD ngày 11/5/2016. Hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức vay vốn ngắn hạn là 500.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo tiền vay là: thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay; bảo lãnh của bên thứ ba; toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND hoặc ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; tín chấp.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Kon Tum để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay được ghi trên từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 6 tháng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản sau: Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là công trình xây dựng: Trụ sở làm việc và Nhà ở cán bộ công nhân viên (nhà khách) xây dựng trên đất thuê trả tiền hàng năm tọa lạc tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số TĐ 02-2019, đường tỉnh lộ 676, thôn Măng Đen, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 063263 (Số vào sổ cấp GCN: CT04431) do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 09 tháng 10 năm 2019.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 01/2013/369556/HĐTD ngày 04/12/2013. Số tiền vay là 27.440.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy năm 2011. Thời hạn vay là 48 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai phù hợp với quy định của BIDV, việc thế chấp, cầm cố hay hình thức bảo đảm khác được lập thành hợp đồng riêng.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng số 01/2014/369556/HĐTD ngày 27/6/2014. Số tiền vay là 39.500.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014. Thời gian vay là 48 tháng, kể từ ngày 27/6/2014 đến ngày 27/6/2018. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay không phân biệt nguồn vốn đầu tư dự án “Đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014”.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	485.029.942.908	2.600.000.000	35.578.076.728	523.208.019.636
Số tiền vay trong năm	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(28.450.000.000)	-	(20.000.000.000)	(48.450.000.000)
Kết chuyển sang nợ phải trả người bán	-	(2.600.000.000)	-	(2.600.000.000)
Số cuối năm	462.579.942.908	-	60.578.076.728	523.158.019.636

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum ^(iv)	325.000.718.803	370.000.718.803
Cộng	325.000.718.803	370.000.718.803

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum để đầu tư dự án Thủy điện Đak Lô với lãi suất 10,54%/năm, thời hạn vay 16 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 5 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đak Lô (xem thuyết minh số V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	60.578.076.728	35.578.076.728
Trên 1 năm đến 5 năm	194.000.000.000	197.000.000.000
Trên 5 năm	131.000.718.803	173.000.718.803
Cộng	385.578.795.531	405.578.795.531

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	370.000.718.803
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(45.000.000.000)
Số cuối năm	325.000.718.803

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng	576.788.313.850	597.139.363.850
Gốc	475.158.019.636	500.608.019.636
Lãi	101.630.294.214	96.531.344.214
Vay tổ chức khác	-	2.600.000.000
Gốc	-	2.600.000.000
Lãi	-	-
Cộng	<u>576.788.313.850</u>	<u>599.739.363.850</u>

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.535.030.276	3.533.498.458
Tăng do trích từ lợi nhuận	1.048.000.000	-
Tăng khác	392.908.006	-
Chi quỹ	<u>(1.691.810.000)</u>	<u>(1.998.468.182)</u>
Số cuối năm	<u>1.284.128.282</u>	<u>1.535.030.276</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Mãng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	159.993.560.000	100.029.499.600	23.233.250.510	(154.578.857.492) (15.461.019.774)	3.067.157.775 206.847.196	131.744.610.393 (15.254.172.578)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(370.437.722)	(370.437.722)
Chia cổ tức cho cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	-	2.903.567.249	116.120.000.093
Số dư cuối năm trước	159.993.560.000	100.029.499.600	23.233.250.510	(170.039.877.266)		
Số dư đầu năm nay	159.993.560.000	100.029.499.600	23.233.250.510	(170.039.877.266)	2.903.567.249	116.120.000.093
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm trước	-	-	3.308.128.792	(3.308.128.792)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(1.037.213.120)	(10.786.880)	(1.048.000.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	26.765.905	241.970.127	268.736.032
Chia cổ tức cho cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	-	(244.203.200)	(244.203.200)
Số dư cuối năm nay	159.993.560.000	100.029.499.600	26.541.379.302	(174.358.453.273)	2.890.547.296	115.096.532.925

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	81.596.715.600	81.596.715.600
Các cổ đông khác	78.396.844.400	78.396.844.400
Cộng	159.993.560.000	159.993.560.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.999.356	15.999.356

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	56.001.733.347	54.025.865.597
Doanh thu điện thương phẩm	119.940.921.141	114.397.590.586
Doanh thu khác	6.943.427.813	3.690.226.236
Cộng	182.886.082.301	172.113.682.419

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.474.321.612	3.834.022.704
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.09		
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	117.806.452	384.093.387
Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca mản 1		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	11.936.878.413
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)		
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	-	77.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	61.851.903.219	45.627.588.655
Giá vốn điện thương phẩm	44.054.840.734	46.086.369.537
Giá vốn khác	5.861.743.955	1.441.431.876
Cộng	<u>111.768.487.908</u>	<u>93.155.390.068</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.750.652	368.300.941
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	50.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	336.932.480
Cộng	<u>13.750.652</u>	<u>755.233.421</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	46.216.393.147	71.733.044.058
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	31.516.720	-
Cộng	<u>46.247.909.867</u>	<u>71.733.044.058</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.323.772.431	13.620.435.736
Chi phí vật liệu, bao bì	1.011.186.561	1.455.856.176
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	401.481.421	404.014.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.251.574.726	1.431.913.649
Thuế, phí và lệ phí	90.903.940	141.488.147
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(156.026.051)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.070.102.948	1.901.697.689
Các chi phí khác	3.487.980.435	3.652.253.528
Cộng	<u>22.637.002.462</u>	<u>22.451.633.812</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	36.000.000	1.721.424.158
Thu nhập từ bán phế liệu	-	-
Thu nhập khác	15.997	4.700
Cộng	<u>36.015.997</u>	<u>1.721.428.858</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản bị phạt, bị truy thu	109.228.352	1.242.938.691
Thuế GTGT không được khấu trừ	221.267.222	813.639.162
Xử lý tiền bị mất trộm	-	289.252.841
Tiền bảo hiểm chậm nộp	173.787.614	38.269.682
Chi phí khác	127.128.113	95.761.531
Cộng	<u>631.411.301</u>	<u>2.479.861.907</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm.

9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

9a. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	26.765.905	(15.461.019.774)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(1.048.000.000)</u>	<u>(1.048.000.000)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.021.234.095)	(16.509.019.774)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>15.999.356</u>	<u>15.999.356</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(64)</u>	<u>(1.032)</u>

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ (966) VND xuống còn (1.032) VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

Năm 2020	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Tiến Trường - Chủ tịch Hội đồng Quản Trị	371.786.449		371.786.449
Ông Phạm Xuân Toán - Quyền Tổng Giám Đốc	303.569.762		303.569.762
Ông Vũ Dũng- Tổng Giám Đốc	269.928.968		269.928.968
Ông Phí Đình Mạnh- Phó Tổng Giám Đốc	266.145.637		266.145.637
Ông Bùi Văn Hà - Phó Tổng Giám Đốc	265.769.762		265.769.762
Ông Nguyễn Văn Hình - Kế toán trưởng	255.289.309		255.289.309
Ông Nguyễn Việt Lương - Trưởng Ban Kiểm Soát		39.312.000	39.312.000
Ông Trần Trọng Tài - Thành viên Ban Kiểm Soát		29.484.000	29.484.000
Cộng	1.732.489.887	68.796.000	1.801.285.887

Năm 2019	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Tiến Trường - Chủ tịch Hội đồng Quản Trị	234.143.441	-	234.143.441
Ông Vũ Dũng - Ủy viên Hội Đồng Quản trị	368.978.731	-	368.978.731
Ông Nguyễn Văn Năm - Ủy viên Hội Đồng Quản Trị	271.431.163	-	271.431.163
Ông Phí Đình Mạnh - Phó Tổng Giám Đốc	317.565.538	-	317.565.538
Ông Bùi Văn Hà - Phó Tổng Giám Đốc	117.731.396	-	117.731.396
Ông Lê Viết Đoàn - Phó Tổng Giám Đốc	135.163.542	-	135.163.542
Ông Phạm Xuân Toán- Phó Tổng Giám Đốc	213.925.442	-	213.925.442
Ông Nguyễn Văn Hình - Kế toán trưởng	294.526.118	-	294.526.118
Ông Nguyễn Việt Lương - Trưởng Ban Kiểm Soát	-	39.312.000	39.312.000
Ông Trần Trọng Tài - Thành viên Ban Kiểm Soát	-	29.484.000	29.484.000
Cộng	1.953.465.371	68.796.000	2.022.261.371

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Tổng Công ty Sông Đà – CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty)
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng
Văn phòng Đại diện Tổng Công ty - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hòa Na

Mối quan hệ

Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành gói thầu số 4	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà – CTCP		
Chi phí tiền điện, tiền thuê nhà và phí bảo lãnh	3.673.772	1.319.149
Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5		
Giá trị trích nộp, tiền phụ phí công trình	170.840.328	172.531.022
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	122.331.642	61.472.920
Chi phí khác	1.200.000	-
Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Chi phí tư vấn	826.197.272	-
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La		
Giảm trừ khối lượng thi công	2.534.092	-
Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca mản 1		
Chi phí trích nộp ban điều hành	-	537.159.529
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	74.147.701
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)		
Chi phí mua vật tư	-	5.736.364

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.4a, V.13, V.14 và V.28a.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: hoạt động xây lắp.
- Lĩnh vực 2: sản xuất điện thương phẩm.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	62.945.161.160	119.940.921.141	182.886.082.301
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.945.161.160	119.940.921.141	182.886.082.301
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(18.064.401.482)	66.544.993.413	48.480.591.931
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			48.480.591.931
Doanh thu hoạt động tài chính			13.750.652
Chi phí tài chính			(46.247.909.867)
Thu nhập khác			36.015.997
Chi phí khác			(631.411.301)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.357.713.949)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(24.587.431)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			268.736.032
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.700.488.381	30.885.784.345	33.586.272.726
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.046.897.764	35.108.380.245	44.155.278.009
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.716.091.833	114.397.590.586	172.113.682.419
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.716.091.833	114.397.590.586	172.113.682.419

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.960.968.375)	58.467.626.914	56.506.658.539
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			56.506.658.539
Doanh thu hoạt động tài chính			755.233.421
Chi phí tài chính			(71.733.044.058)
Thu nhập khác			1.721.428.858
Chi phí khác			(2.479.861.907)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(24.587.431)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(15.254.172.578)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.035.076.187	16.153.776.115	20.188.852.302
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.358.348.358	34.441.666.758	43.800.015.116

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	590.931.918.641	732.167.936.896	1.323.099.855.537
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			500.593.924
Tổng tài sản			1.323.600.449.461
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	784.613.500.221	423.890.416.315	1.208.503.916.536
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			1.208.503.916.536
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	709.530.487.266	670.688.380.827	1.380.218.868.093
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			525.181.355
Tổng tài sản			1.380.744.049.448
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	822.164.089.376	442.459.959.979	1.264.624.049.355
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			1.264.624.049.355

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Phần lớn hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty mẹ có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 193.914.530.819 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty mẹ.

Tuy nhiên, Tổng Công ty Sông Đà – CTCP và các công ty khác trong cùng Tổng công ty cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguyên vật, không yêu cầu Công ty mẹ hoàn trả tiền nợ cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Công ty cũng đang tích cực thỏa thuận với Ngân hàng thương mại để khoan nợ, xóa lãi quá hạn và giảm lãi trong hạn. Ngoài ra, từ cuối năm 2018, Tổng công ty bắt đầu triển khai dự án Thủy điện Ngọc Tem. Công ty đánh giá với dự án mới này, Tổng công ty sẽ cải thiện được tình hình tài chính do thành công từ dự án như Công ty đã từng đạt được với dự án Thủy điện Đak Lô. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty mẹ hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tháng 2 năm 2021, trên cơ sở phiếu giá thanh quyết toán với Chủ đầu tư, Công ty Cổ phần Sông Đà 3 và Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5 tạm cắt giảm phần doanh thu chưa đủ điều kiện thanh toán đã được đơn vị ghi nhận trước năm 2016, giảm trừ vào hạng mục nhà máy của Công trình thủy điện Đồng Nai 5 với giá trị 40.988.588.326 theo Biên bản của Kiểm toán Nhà Nước chuyên ngành V ngày 15/8/2016 về hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Xây dựng công trình thủy điện Đồng Nai 5. Phần doanh thu này được bù trừ vào giá trị đã nghiệm thu chưa xuất hóa đơn của hạng mục Nhà máy của Công trình thủy điện Đồng Nai 5. Hiện tại Công ty đã có văn bản gửi Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5 để thanh toán với các nhà thầu nội bộ phần bê tông lẹm ngoài thiết kế, các hạng mục công trình công cộng tại dự án này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kon Tum, ngày 31 tháng 3 năm 2021



Phạm Hồng Trung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Toán
Quyền Tổng Giám đốc